TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/ DS-PT
Ngày: 21/3/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Huyến

Ông Trần Bá Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần K

Trụ sở tại: 40-42-44 Phạm Hồng Th, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn Ch, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hưng Vĩnh A – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần K– phòng Giao dịch Kinh 8. Theo Giấy ủy quyền số: 1453/UQ-NHKL ngày 19/9/2017, có mặt

- *Bị đơn:* 1. Ông Phan Văn B, sinh năm 1975, có mặt

2. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1976, có đơn xét xử vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp Kinh 7B, xã Th, huyện T, tỉnh K.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lưu Văn L, sinh năm 1963, có mặt

Địa chỉ: ấp Kinh 7B, xã Th, huyện T, tỉnh K.

2. Ông Trần Văn L, sinh năm 1947, có mặt

Địa chỉ: ấp Kinh 7B, xã Th, huyện T, tỉnh K.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K– Đại diện theo ủy quyền ông Trần Hưng Vĩnh A trình bày: Vào ngày 14/02/2012, vợ chồng ông Phan Văn B, bà Phạm Thị N có đến Ngân hàng Thương mại cổ phần K (sau đây được viết tắt là: Ngân hàng TMCP K) vay số tiền gốc là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số: TN0045/HĐTDHM ngày 14/02/2012 và hợp đồng tín dụng số: TN0045.2/HĐTD + Phụ lục hợp đồng tín dụng số: TN0052.2/PLHĐTD2 ngày 25/4/2013, mục đích vay trồng lúa, chăn nuôi heo thịt, kinh doanh mua bán lúa gạo, thời hạn vay 13 tháng, ngày giải ngân là 25/4/2013, ngày đến hạn là 25/5/2014, lãi suất 1,4%/tháng, điều chỉnh 06 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi VNĐ kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K ngay tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cho vay, cộng thêm 0,525%/tháng hoặc bằng lãi suất cho vay hiện hành tại ngân hàng tại cùng thời điểm (cùng loại hình và phương thức vay) nếu lãi suất cho vay hiện hành tại ngân hàng cao hơn. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% (gấp 1,5 lần) lãi suất cho vay trong hạn ngay trước thời điểm nợ quá hạn. Hình thức thanh toán: Trả lãi 02 lần: Lần 01 vào ngày 25/10/2013, lần 02 vào ngày 25/5/2014. Nếu trả không đầy đủ và đúng hạn, Ngân hàng sẽ thu thêm số tiền phạt chậm trả lãi với lãi suất phạt bằng 0,1%/ngày/số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả, trả gốc vào ngày đáo hạn.

Hợp đồng tín dụng + phụ lục nêu trên được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số: TN0045/HĐTC ngày 14/02/2012 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với vợ chồng ông B, bà N, tài sản thế chấp gồm: quyền sử dụng đất số: A 824708, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 26/7/1992 đứng tên ông Phan Văn Ch (cha của ông B), cập nhật ngày 19/4/2006 đứng tên ông Phan Văn B, với tổng diện tích là 18.467m^2, trong đó đất thổ cư + đất trồng cây lâu năm diện tích là 3.690 m^2, đất hoang diện tích là 2.600 m^2, đất trồng lúa diện tích là 12.177 m^2 , thuộc các thửa đất số 361, 359, 782, tờ bản đố số 07, đất tọa lạc tại xã Th, huyện T, tỉnh K. Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 24/02/2012.

Khi đến hạn trả nợ Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nhở nhưng ông B, bà N cam kết nhiều lần mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông B, bà Ntrả cho ngân hàng TMCP K số tiền tạm tính

đến ngày 25/5/208 là 589.093.289đ (năm trăm tám mươi chín triệu không trăm chín mươi ba nghìn hai trăm tám mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 44.505.556đ (bốn mươi bốn triệu năm trăm lẻ năm nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng), tiền lãi phạt chậm trả là 69.504.400đ (sáu mươi chín triệu năm trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm đồng), tiền lãi quá hạn là 225.083.333đ (hai trăm hai mươi lăm triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo nội dung hợp đồng vay đến khi trả hết nợ.

Bò ñôn vợ chồng ông Phan Văn B, bà Phạm Thị N: Do vợ chồng ông Phan Văn B, bà Phạm Thị N vắng mặt không lý do nên không có lời khai.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh K đã quyết định:

1/ Chaáp nhaän yeâu caàu khôûi kieän cuûa Ngân hàng TMCP K.

2/ Buộc vợ chồng ông Phan Văn B, bà Phạm Thị N traû cho Ngân hàng TMCP K tổng cộng số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi phạt chậm trả và tiền lãi quá hạn laø 589.093.289đ (năm trăm tám mươi chín triệu không trăm chín mươi ba nghìn hai trăm tám mươi chín đồng).

3/ Sau khi vợ chồng ông Phan Văn B, bà Phạm Thị N traû hết nợ cho Ngân hàng TMCP K thì Ngân hàng TMCP K có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng ông Phan Văn B, bà Phạm Thị N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A 824708, do UBND huyện Tân Hiệp cấp ngày 26/7/1992 đứng tên ông Phan Văn Ch, cập nhật ngày 19/4/2006 đứng tên ông Phan Văn B, với tổng diện tích là 18.467m^2, trong đó đất thổ cư + đất trồng cây lâu năm diện tích là 3.690 m^2, đất hoang diện tích là 2.600 m^2, đất trồng lúa diện tích là 12.177 m^2 , thuộc các thửa đất số 361, 359, 782, tờ bản đồ số 07, đất tọa lạc tại xã Th, huyện T, tỉnh K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K ban hành quyết định kháng nghị số 08/2018/DS-ST ngày 04/10/2018 yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K sửa án sơ thẩm theo hướng xem xét lại phần lãi của Hợp đồng tín dụng giữa các bên. Đồng thời tuyên quyền lợi cho Ngân hàng trong việc xử lý tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, theo nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K, phía đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP K là ông Trần Hưng Vĩnh A xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phạt chậm trả lãi 69.504.400 đồng và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật về phần lãi suất của Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa

Ngân hàng TMCP K với vợ chồng ông B, bà N. Đồng thời, yêu cầu tuyên quyền lợi cho Ngân hàng trong việc xử lý tài sản thế chấp.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Việc Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phạt chậm trả lãi 69.504.400 đồng là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, xét Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà tại giai đoạn xét xử phúc thẩm không thể khắc phục bổ sung được, nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, phía bị đơn bà Phạm Thị N không có đơn kháng cáo nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bà N.

[2] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án phía Ngân hàng TMCP K có khởi kiện yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là tổng diện tích đất 18.467m^2 tọa lạc tại xã Th, huyện T, tỉnh K, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A 824708, do UBND huyện T cấp ngày 26/7/1992 đứng tên ông Phan Văn Ch, cập nhật ngày 19/4/2006 đứng tên ông Phan Văn B trong trường hợp vợ chồng ông B, bà N không trả được nợ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết tài sản thế chấp trong trường hợp ông B bà N không trả được nợ là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Ngân hàng, do đó có vi phạm thủ tục tố tụng.

[3] Mặt khác, tại giai đoạn phúc thẩm, phía ông Lưu Văn L (là anh rể của ông B) đã cung cấp cho Tòa án các giấy tay chuyển nhượng đất ngày 22/8/2002 giữa vợ chồng ông và ông Phan Văn Ch và có lời khai cho rằng diện tích đất 18.467m^2 mà ông B, bà N đang thế chấp tại Ngân hàng K có nguồn gốc là của ông Phan Văn Ch. Khi ông Ch còn sống đã 02 lần thỏa thuận chuyển nhượng cho vợ chồng ông tổng cộng 5 công đất lúa và một phần đất thổ cư nằm trong diện tích đất 18.467m^2. Sau khi chuyển nhượng, vợ chồng ông tiến hành san lấp

mặt bằng phần đất thổ cư và xây dựng nhà ở cấp 4 sinh sống từ năm 2002 cho đến nay. Đối với phần đất lúa vợ chồng ông đã bán lại 0,5 công cho ông Trần Văn L. Còn lại 4,5 công, do đất làm không hiệu quả nên cách đây 4 năm vợ chồng ông đã cho ông Phước địa chỉ: Kinh 7B, xã Th, huyện T, tỉnh K thuê lại với giá 3.000.000 đồng/01 công/1 năm. Ngoài ra, còn có ông Trần Văn L khai nại cho rằng, khi ông Ch còn sống thì có chia cho các con của ông Ch mỗi người vài công đất trong phần đất này để canh tác, trong đó có ông Phan Văn Th và ông Phan Văn Ch được ông Ch cho mỗi người 5 công đất lúa. Đến năm 2007 ông Ch bán lại cho ông 02 công với giá 40 chỉ vàng 24kra, còn ông Th bán lại cho ông 02 công với giá 23 chỉ vàng 24kra. Ngoài ra, ông còn nhận chuyển nhượng lại 0,5 công đất từ vợ chồng ông Lưu Văn L. Tổng cộng ông mua đất của ông Ch, ông Th, ông L là 4,5 công, kể từ ngày sang nhượng ông đã quản lý và canh tác phần đất 4,5 công này cho đến nay. Cả ông L và ông L đều xác định việc chuyển nhượng giữa các bên chỉ làm giấy tay. Đối với việc ông B làm thủ tục đánh biến động quyền sử dụng đất từ ông Ch sang tên ông B các ông không biết. Trên phần đất ông B, bà N đang thế chấp cho Ngân hàng, ngoài căn nhà ông B còn có 03 căn nhà khác của Phan Văn Ch, Lưu Văn L, bà Tư Ó đang sinh sống và đều xây dựng trước khi ông B, bà N thế chấp cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu phát mãi tài sản trong đó có phần đất của các ông đã nhận chuyển nhượng thì các ông không đồng ý. Như vậy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa ông L, ông L và những người đang sinh sống, quản lý, canh tác trên diện tích đất 18.467 m^2 mà ông B, bà N đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cũng như chưa thu thập tài liệu, chứng cứ làm rõ các tình tiết mà phía ông L, ông L trình bày để đảm bảo giải quyết vụ kiện toàn diện, khách quan, bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên và đảm bảo việc thi hành án sau này trong trường hợp phải phát mãi tài sản để Ngân hàng thu hồi nợ.

[4] Về mặt nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông B, bà N trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp pháp luật và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, xét về khoản tiền lãi phạt chậm trả lãi là không đúng với quy định của pháp luật. Vì theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 quy định lãi suất cho vay là lãi suất áp dụng đối với nợ gốc, quá hạn không quy định về *lãi phạt chậm trả lãi*. Hơn nữa, việc các bên thỏa thuận lãi phạt bằng hình thức tỷ lệ phần trăm là không phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 422 Bộ luật dân sự 2005. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phạt chậm trả lãi là 69.504.400 đồng và được phía bị đơn đồng ý. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này.

[5] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K về việc: Vào ngày 20/6/2014 ông B và N không có khả năng trả nợ và làm bản cam kết đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp. Lẽ ra, thời gian này phía Ngân hàng phải khởi kiện yêu cầu giải quyết và phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ nhưng Ngân hàng không khởi kiện mà tiếp tục cho ông B, bà N cam kết trả nợ nhiều lần kéo dài đến 31/8/2017 mới khởi kiện, cho nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại phần tiền lãi theo thỏa thuận giữa các bên. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy trong các điều khoản thỏa thuận giữa các bên theo hợp đồng đã giao kết, không có điều khoản nào quy định Ngân hàng phải có nghĩa vụ khởi kiện ngay sau khi bên vay đã làm bản cam kết khi không có khả năng trả nợ, trong khi không có chứng cứ thể hiện bên vay có yêu cầu ngân hàng khởi kiện từ thời điểm nào, do vậy cấp sơ thẩm xem xét tính lãi phát sinh theo hợp đồng là phù hợp.

[6] Từ những cơ sở và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K về việc xem xét lại phần tiền lãi phạt chậm trả lãi và việc xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng là có căn cứ. Tuy nhiên, do nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà tại giai đoạn xét xử phúc thẩm không thể khắc phục bổ sung được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận hướng đề xuất của vị đại diện Viện Kiểm sát là hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi phạt chậm trả lãi 69.504.400 đồng và hủy một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn về nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và xử lý tài sản thế chấp, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3,4 Điều 308, Điều 310, 311 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Hủy một phần bản án sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh K và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K về số tiền lãi phạt chậm trả lãi 69.504.400 đồng.

2- Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh K đối với yêu cầu khởi

kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần K về nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và xử lý tài sản thế chấp. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh K xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3- Về án phí dân sự: Nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh K;
- TAND huyện T;
- THA dân sự huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Huyến **Trần Bá Kha** **Đặng Thị Bích Vân**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện An Biên;
- THA dân sự huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Út Mẫn **Trần Bá Kha** **Đặng Thị Bích Vân**